

Bản án số: 24 /2022/ DS -ST

Ngày: 29/08/2022.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Ông Quách Mạnh Thành.***

Các hội thẩm nhân dân: ***Bà Đào Minh Chi***

Ông Nguyễn Văn Sơn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ***Bà Đặng Thị Thanh Hoa*** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hoàng Mai: ***Bà Nguyễn Thị Tư*** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 32/2021/TLST- DS ngày 24 tháng 04 năm 2022 về *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXX - DS ngày 28 tháng 06 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 80/QĐST - DS ngày 20 tháng 07 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 100/QĐST-DS ngày 10 /08/2022, giữa các đ- ong sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K**

Trụ sở: Số 191 BT - phường LĐH - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A1 - Chủ tịch hội đồng quản trị

Đại diện ủy quyền: Bà Phạm Thị N1 - Giám đốc xử lý nợ (Theo quyết định số 1218/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2017 của Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP K)

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lương Văn P1, bà Nguyễn Thị H1 - Cán bộ xử lý nợ(Theo giấy ủy quyền số 202-03/2021/UQ-TCB Ngày 05/4/2021 của bà Phạm Thị N1)

*** Bị đơn: Bà Phạm Thị H** - sinh năm: 1975.

Tại địa chỉ: Số nhà 03 ngách 17 ngõ 32 ND, phường LN, Hoàng Mai, Hà Nội.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trương Văn T2- sinh năm 1972
 2. Bà Trần Thị L2- sinh năm 1988
 3. Cháu Trương Thị Ánh T3- sinh năm 2004 (giám hộ trực tiếp là anh T2, chị L2)
 4. Cháu Trương Ngọc A3- sinh năm 2005 (giám hộ trực tiếp là anh T2, chị L2)
 5. Cháu Trương Khánh L3- sinh năm 2008 (giám hộ trực tiếp là anh T2, chị L2)
 6. Cháu Trương Sang Tr3 – sinh năm 2012 (giám hộ trực tiếp là anh T2, chị L2)
- Cùng trú tại: Thôn Quỳnh, xã VQ, Thanh Trì, Hà Nội.
7. Chị Đỗ Thị Tr – sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 45, ngõ TH 1, phường HB, Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

(Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của Nguyên đơn là Ông Lương Văn P1, bà Nguyễn Thị H1- có mặt; bị đơn là bà Phạm Thị H vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn T2, Bà Trần Thị L2 có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: cháu Trương Thị Ánh T3- sinh năm 2004 (giám hộ trực tiếp là anh T2, chị L2), cháu Trương Ngọc A3- sinh năm 2005(giám hộ trực tiếp là anh T2, chị L2), cháu Trương Khánh L3- sinh năm 2008(giám hộ trực tiếp là anh T2, chị L2), cháu Trương Sang Tr3 – sinh năm 2012 (giám hộ trực tiếp là anh T2, chị L2), chị Đỗ Thị Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP K(K) ông Lương Văn P1 trình bày:

Ngày 05/8/2014 Ngân hàng TMCP K(K) đã ký hợp đồng tín dụng số KMI 20141077/HĐTD ngày 05/08/2014, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số KMI 2014107701 ngày 06/08/2014 với bà Phạm Thị H với nội dung cụ thể như sau: - Số tiền vay: 978.000.000 đồng, mục đích vay: Mua bất động sản, thời hạn vay là 240 tháng;

Lãi xuất áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên trong thời gian từ 06/8/2014 cho đến ngày 06/11/2014 là: 7,99%/ năm.

Lãi xuất áp dụng đối với các khoản vay của Bên nhận nợ cho thời gian tiếp theo, được điều chỉnh định kỳ và bằng lãi suất cơ sở dài hạn (+) Biên độ nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu được K quy định theo từng thời kỳ. Việc điều chỉnh lãi xuất. Thời gian từ 7/11/2014 đến 06/08/2034. Kỳ điều chỉnh lãi suất: 01 tháng/ lần vào ngày 15 hàng tháng. Biên độ 4,5%/ năm.

Lãi suất vay áp dụng cho các khoản giải ngân tiếp theo sau ngày giải ngân lần đầu tiên là: Lãi suất thả nổi quy định trên Khế ước nhận nợ lập theo mỗi lần rút vốn vay.

Để đảm bảo cho khoản vay trên bà Phạm Thị H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 001159/2014/HĐTC-TCB quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/08/2014 tại Văn phòng Công chứng Đồng Đa, thành phố Hà Nội với Ngân hàng TMCP K. Theo nội dung Hợp đồng thế chấp bà Phạm Thị H đã thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 06(1), tờ bản đồ số 25, mục đích sử dụng: đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, tại địa chỉ: Thôn QĐ, xã VQ, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG590836 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5821/2011/QĐ-UBND/-CH00932 do UBND huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/10/2011, đăng ký chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H ngày 14/07/2014 theo hợp đồng số 00592/2014/HĐCNQSDĐ được văn phòng công chứng ngọn Lửa Việt công chứng ngày 10/7/2014. Tại phòng tài nguyên môi trường huyện Thanh Trì, Tài sản được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho bà Phạm Thị H vào tài khoản 19327959751. Bà H đã thanh toán cho ngân hàng 10,865,058 đồng. Trong đó trả gốc là 4,075,000 đồng, trả lãi là 6,790,058 đồng. Sau đó, ngày 06/9/2014 bà Phạm Thị H đã không thực hiện trả được trả nợ vay Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng. Bà H không đưa ra phương án trả nợ, không hợp tác trong việc trả nợ Ngân hàng, đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc gửi thông báo yêu cầu trả nợ vay đến bà H nhưng bà H không thực hiện cam kết trả nợ với ngân hàng.

Tính đến ngày 31/3/2021, Bà H còn nợ Ngân hàng K số tiền: Nợ gốc: 973,925,000 đồng, tổng nợ lãi: 1,315,914,498 đồng. Tổng cộng : **2.289.839.498 đồng,**

** Yêu cầu của Nguyên đơn;*

1. Buộc bà Phạm Thị H phải thanh toán toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 31/3/2021 với số tiền là: 2.289.839.498 đồng và các khoản nợ lãi, tiền phạt phát

sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

2. Buộc bà Phạm Thị H phải chịu số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 78,240,000 đồng. Cụ thể căn cứ Điểm 13.1, Điều 13 Hợp đồng tín dụng bà H phải chịu mức phạt vi phạm hợp đồng là 8% giá trị hợp đồng, tức $8\% \times 978.000.000 \text{ đồng} = 78.240.000 \text{ đồng}$.

3. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật mà bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành phát mại toàn bộ tài sản đảm bảo của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng nêu trên thì bà Phạm Thị H phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP K, phần nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ

**** Tại bản lời khai ngày 15/12/2021 và các văn bản tố tụng tại tòa án bà Phạm Thị H là bị đơn trình bày :***

Bà Phạm Thị H nhận được giấy báo của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai để đến giải quyết khoản nợ của bà H với Ngân hàng TMCP K.

Bà Phạm Thị H thừa nhận có ký kết các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ với Ngân hàng TMCP K như đại diện của nguyên đơn trình bày. Tôi bây giờ được Tòa án thông báo số tiền nợ gốc như đại diện nguyên đơn trình bày nhưng tôi chỉ là người vay hộ chị Đỗ Thị Tr- sinh năm 1978, trú tại , Số 45 , ngõ TH 1, phường HB, Đống Đa, Hà Nội là 9.780.000.000đồng. Tôi quan hệ với Chị Tr vì Trang là khách hàng may của tôi.Thủ tục vay vốn hoàn toàn do Chị Tr làm thủ tục tôi chỉ là người ký các văn bản vay vốn ngân hàng. Chị Tr bảo tôi nhận quyền sở hữu căn nhà là của Tr. Khi tôi thấy giấy chứng nhận quyền sở hữu không mang tên Tr tôi cũng thắc mắc nhưng Tr đang bảo Tr đang nợ xấu ngân hàng nên không vay được và nhờ tôi vay hộ. Tôi đã cùng mọi người ra phòng công chứng Ngọn Lửa Việt, Trụ sở: 34 THT – HBT - Hà Nội để ký kết hợp đồng chuyển nhượng giữa tôi và ông Trương Văn T2, bà Trần Thị L2. Khi ngân hàng giải ngân Chị Tr là người trực tiếp nhận số tiền vay. Tôi không nhận tiền.Tại văn bản thỏa thuận ngày 21 tháng 01 năm 2017 tôi có ký vào phần đại diện ủy quyền đứng tên. Tại bản cam kết và thỏa thuận ngày 09 tháng 7 năm 2014 Bên cho vay là Công ty TNHH thương mại và dịch vụ KT, đề Phạm Thị H - phó giám đốc là không đúng vì tôi không làm bất kỳ ở công ty nào. Văn bản này là do Đỗ Thị Tr gửi cho tôi. Giấy xác nhận ngày 05/01/2017 là do tôi viết. Nội dung văn bản tôi không nhớ vì thời gian đã lâu.Tôi đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đưa bà Đỗ Thị Tr vào làm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án .

*** *Tại bản tự khai và các văn bản tố tụng tại Tòa án của người có quyền lợi***

nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn T2, bà Trần Thị L2 trình bày :

Gia đình tôi đang vay số tiền 300.000.000 đồng tại ngân hàng Sài Gòn Thương Tín. Thời hạn đến kỳ trả đã hết nên gia đình tôi cần tiền và thông qua cô em dâu con gì duột tên là Cao Thị Ch – trú tại: Cụm 2, thôn QL, xã VQ, Thanh Trì, Hà Nội giới thiệu đến chị Phạm Thị H tại số 3 Phạm Hùng để vay vốn với số tiền 300.000.000 đ để chuyển vào ngân hàng Sài Gòn Thương Tín. Sau khi chị H chuyển tiền vào ngân hàng Sài Gòn Thương Tín thì ngân hàng trả sổ đỏ nhưng chúng tôi không được cầm mà người của chị H cầm sổ đỏ. Ngày 09/7/2014 chúng tôi ra văn phòng công chứng số nhà 34 THT, BTX, HBT, Hà Nội để ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình tôi với chị Phạm Thị H.

Ngày 17/7/2014 chúng tôi đã nhận từ kế toán của chị H số tiền là 100.000.000 đồng và trả luôn tiền lãi là 2.800.000 đồng.

Ngoài ra gia đình tôi phải đóng tiền gốc và lãi vào tài khoản của chị Đỗ Thị Tr.

Văn bản thỏa thuận ngày 21/01/2017 xác nhận gia đình tôi nhận đủ số tiền 400.000.000 đồng. Bên cho vay là bà Đỗ Thị Tr.

Gia đình tôi đề nghị Tòa án quận Hoàng Mai sớm giải quyết vụ án để phân định khoản vay nợ giữa gia đình tôi với bà Phạm Thị H với ngân hàng để gia đình tôi lấy lại sổ đỏ.

Ông Trương Văn T2, bà Trần Thị L2 không có yêu cầu độc lập.

Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa bà Đỗ Thị Tr – sinh năm 1978, địa chỉ: Số 45, ngõ TH, phường HB, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan . Tòa án đã tiến hành xác minh được biết hiện nay bà Đỗ Thị Tr không còn sinh sống tại nơi cư trú, bà Tr đi đâu không thông báo với chính quyền địa phương nên địa phương không nắm được. Hiện bà Đỗ Thị Tr đang bị truy nã theo quyết định số 774/QĐ-CQTHA-PC10 ngày 06/7/2020 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điều 174 bộ luật hình sự. Do vậy, Tòa án tiến hành tổng đạt bằng hình thức niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại điều 179 Bộ luật dân sự. Vì vậy Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật vẫn tiến hành giải quyết vụ án .

Tại phiên tòa hôm nay, bà Phạm Thị H, bà Đỗ Thị Tr vắng mặt lần thứ hai nên tòa án nhân dân quận Hoàng Mai áp dụng điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử.

*** *Tại phiên Tòa hôm nay***, Ngân hàng TMCP K do ông Lương Văn P1 làm đại văn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà Phạm Thị H thanh toán tiền tính đến ngày 29/8/2022 là nợ gốc: 973,925,000 đồng, nợ lãi trong hạn: 788,715,226 đồng, nợ lãi quá hạn: 291.474.712 đồng, nợ lãi phạt: 635,941,558 đồng. Tổng cộng **2.690.056.496 đồng**, và phải chịu phạt vi phạm hợp đồng là: 78.240.000 đồng.

Nay Ngân hàng tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 635,941,558 đồng nợ lãi phạt và 78.240.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng.

Do vậy, yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị H còn phải thanh toán cho Ngân hàng là nợ gốc: 973,925,000 đồng, nợ lãi trong hạn: 788,715,226 đồng, nợ lãi quá hạn: 291.474.712 đồng. Tổng cộng **2.054.114.938 đồng** và các khoản nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận Hợp đồng tín dụng hợp đồng tín dụng số KMI 20141077/HĐTD ngày 05/08/2014 kể từ ngày 30/08/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bà Phạm Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP K thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền sử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn T2, bà Trần Thị L2 vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, trình bày thêm ông bà đã gửi đơn tố giác bà Phạm Thị H, bà Đỗ Thị Tr ra công an vì ông bà cho rằng bà H, bà Tr có dấu hiệu hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra công an quận Hai Bà Trưng có thông báo số 220/TB-ĐTH ngày 03/5/2018 gửi ông Trương Văn T2 là vụ việc trên có dấu hiệu tranh chấp dân sự chuyển sang Tòa án giải quyết. Ngoài ra ngày 12/12/2020 ông T2, bà L2 có đơn tố cáo bà Phạm Thị H, bà Đỗ Thị Tr có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 09/2/2021 Công an quận Hai Bà Trưng Thành phố Hà Nội có phiếu hướng dẫn số 686 hướng dẫn ông Trương Văn T2 là vụ việc trên có dấu hiệu tranh chấp dân sự chuyển sang Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:

-Về tố tụng:

-Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền được quy định tại điểm b khoản 1 điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Tòa án đã thu thập chứng cứ đầy đủ theo quy định tại điều 195, điều 197 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại điều 177, điều 178,179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

- Thời hạn xét xử chưa đúng quy định của pháp luật nhưng vụ án có nhiều người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên không kiến nghị.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng trình tự xét xử quy định từ điều 217 đến điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự

- Nguyên đơn thực hiện đúng theo điều 70, điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Bị đơn thực hiện theo đúng quy định tại điều 70, điều 72 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng không chấp hành đúng các quy định tại điều 70, điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi phân tích đánh giá nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai nhận định về nội dung hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và tại phiên tòa Ngân hàng đã rút một phần yêu cầu tính lãi phạt và phí phạt. Do vậy, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ với những phần ngân hàng đã rút và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng TMCP K, buộc bà Phạm Thị H có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP K toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi như Ngân hàng TMCP K yêu cầu. Chấp nhận yêu cầu tuyên khi án có hiệu lực pháp luật bà Phạm Thị H không thanh toán khoản tiền nợ nêu trên Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gốc, nợ lãi.

Đối với bà Phạm Thị H cho rằng chỉ là người vay hộ chị Đỗ Thị Tr- sinh năm 1978, trú tại, Số 45, ngõ TH1, phường HB, Đống Đa, Hà Nội và không phải là người nhận số tiền là 9.780.000.000 đồng từ Ngân hàng TMCP K nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc mình là người vay hộ. Chính bà H có văn bản đề nghị ngân hàng giải ngân và có giấy ủy nhiệm chi.

Ông Trương Văn T2 bà Trần Thị L2 chuyển quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H để bà Phạm Thị H vay tiền Ngân hàng số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), hàng tháng ông Trương Văn T2, bà Trần Thị L2 vẫn thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng, nhưng ông Trương Văn T2, bà Trần Thị L2 không có yêu cầu độc lập nên giành quyền khởi kiện cho ông T2, bà L2 thành một vụ án khác.

Ông Tiến, bà Lua cho rằng bà Phạm Thị H, bà Đỗ Thị Tr có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 09/2/2021 Công an quận Hai Bà Trưng Thành phố Hà Nội có

phiếu hướng dẫn số 686 hướng dẫn ông Trương Văn T2 là vụ việc trên có dấu hiệu tranh chấp dân sự chuyển sang Tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thu H không có yêu cầu đòi số tiền 400.000.000 đồng đối với ông T2, bà L2 nên giành quyền khởi kiện cho bà H.

Bác tất cả các yêu cầu khác của đương sự.

- **Án phí** : Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP K , được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP K , không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án cho Ngân hàng TMCP K . Bà Phạm Thị H phải chịu án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP K , với bà Phạm Thị H. Nên xác định đây là vụ án tranh chấp tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là Bà Phạm Thị H hiện cư trú: Tổ 3, phường LN, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Vì vậy Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện và chủ thể khởi kiện:

Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Bà Phạm Thị H không thanh toán được tiền vay cho Ngân hàng TMCP K , sau khi đến hạn trả.

Ngày 01/04/2021 Ngân hàng TMCP K , khởi kiện bà Phạm Thị H yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng hợp đồng tín dụng số KMI 20141077/HĐTD ngày 05/08/2014, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số KMI 2014107701 ngày 06/08/2014 là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 159 Bộ luật dân sự 2005

1.4. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đỗ Thị Tr – sinh năm 1978, địa chỉ: Số 45, ngõ TH, phường H Bột, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ nhưng bà Tr vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr theo quy định của pháp luật tại Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Phạm Thị H nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định của pháp luật tại Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng TMCP K được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0100230800, đăng ký lần đầu ngày 07/09/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 50 ngày 10/08/2018; Ngân hàng TMCP K, bà Phạm Thị H xác lập quan hệ tín dụng thông qua Hợp đồng tín dụng hợp đồng tín dụng số KMI 20141077/HĐTD ngày 05/08/2014, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số KMI 2014107701 ngày 06/08/2014 . Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Về chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng tín dụng hợp đồng tín dụng số KMI 20141077/HĐTD ngày 05/08/2014, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số KMI 2014107701 ngày 06/08/2014 là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP K và bà Phạm Thị H đủ năng lực trách nhiệm dân sự.

Xét các hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên tham gia, mục đích giao kết không vi phạm điều cấm của Pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức, nội dung phù hợp quy định của Pháp luật về hợp đồng vay tài sản nên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

2.2. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng:

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Phạm Thị H vào tài khoản 19327959751. Bà H đã thanh toán cho ngân hàng 10,865,058 đồng. Trong đó trả gốc là 4,075,000 đồng, trả lãi là 6,790,058 đồng. Sau đó, ngày 06/9/2014 bà Phạm Thị H đã không thực hiện trả được trả nợ vay Ngân hàng theo hợp đồng tín

dụng đã ký kết với Ngân hàng. Bà H không đưa ra phương án trả nợ, không hợp tác trong việc trả nợ Ngân hàng, đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc gửi thông báo yêu cầu trả nợ vay đến bà H nhưng bà H không thực hiện cam kết trả nợ với ngân hàng.

Tính đến ngày 29/8/2022, Bà H còn nợ Ngân hàng K số tiền: thanh toán nợ gốc: 973,925,000 đồng, nợ lãi trong hạn: 788,715,226 đồng, nợ lãi quá hạn: 291.474.712đồng, nợ lãi phạt: 635,941,558 đồng. Tổng cộng **2.690.056.496 đồng**, và phải chịu phạt vi phạm hợp đồng là: 78.240.000đồng.

Nay Ngân hàng tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 635,941,558 đồng nợ lãi phạt và 78.240.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng.

Do vậy, yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị H còn phải thanh toán cho Ngân hàng là nợ gốc: 973,925,000 đồng, nợ lãi trong hạn: 788,715,226 đồng, nợ lãi quá hạn: 291.474.712đồng. Tổng cộng **2.054.114.938 đồng**.

[3] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc của Ngân hàng TMCP K với bà Phạm Thị H:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số: Hợp đồng tín dụng số KMI 20141077/HĐTD ngày 05/08/2014, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số KMI 2014107701 ngày 06/08/2014 Ngân hàng TMCP K với bà Phạm Thị H và Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng TMCP K, bà Phạm Thị H nên Ngân hàng TMCP K đã giải ngân cho bà Phạm Thị H số tiền 978.000.000 đồng tại giấy nhận nợ số khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số KMI 2014107701 ngày 06/08/2014, đã ký nhận nợ số tiền trên. Ngân hàng TMCP K đã giải ngân khi bà H có văn bản đề nghị ngân hàng giải ngân và có giấy ủy nhiệm chi từ số tài khoản 19327995979012 của bà H sang số tài khoản 19025294509023 của Tăng Thị Huê. Do vậy bà đã nhận đủ số tiền 9.780.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H đã thanh toán được số tiền gốc là: 4,075,000đồng, tiền lãi: 6,790,058 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng bà Phạm Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tại tòa hôm nay, đại diện của Ngân hàng TMCP K xác nhận dư nợ gốc đến thời điểm xét xử ngày 29.08.2022 của bà Phạm Thị H là còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc là: 973.925.000đồng.

Vì vậy, căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số: Hợp đồng tín dụng số KMI 20141077/HĐTD ngày 05/08/2014, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số KMI 2014107701 ngày 06/08/2014 và lời khai của đại diện Ngân hàng TMCP K. Việc

Ngân hàng TMCP K. yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc nói trên là có căn cứ chấp nhận và buộc bà Phạm Thị H phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc nói trên.

[4] Xét về yêu cầu thanh toán tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc nêu trên (ký hợp đồng tín dụng số KMI 20141077/HĐTD, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số KMI 2014107701 ngày 06/08/2014 với bà Phạm Thị H) với nội dung cụ thể như sau: - Số tiền vay: 978.000.000 đồng, mục đích vay: Mua bất động sản, thời hạn vay là 240 tháng;

Lãi xuất áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên trong thời gian từ 06/8/2014 cho đến ngày 06/11/2014 là: 7,99%/ năm.

Lãi xuất áp dụng đối với các khoản vay của Bên nhận nợ cho thời gian tiếp theo, được điều chỉnh định kỳ và bằng lãi suất cơ sở dài hạn(+)Biên độ nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu được K quy định theo từng thời kỳ. Việc điều chỉnh lãi xuất. Thời gian từ 7/11/2014 đến 06/08/2034. Kỳ điều chỉnh lãi suất: 01 tháng/ lần vào ngày 15 hàng tháng. Biên độ 4,5%/ năm.

Lãi suất vay áp dụng cho các khoản giải ngân tiếp theo sau ngày giải ngân lần đầu tiên là: Lãi suất thả nổi quy định trên Khế ước nhận nợ lập theo mỗi lần rút vốn vay. Tính đến ngày 29.08.2022 tổng lãi là 1,700,693,353 đồng (có bảng kê tính lãi). Hội đồng xét xử căn cứ vào 1.4.1 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên và các văn bản để áp dụng việc tính lãi nêu trên do Ngân hàng TMCP K xuất trình, thấy việc Ngân hàng TMCP K tính lãi suất của số tiền gốc nêu trên theo đúng như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật về tính lãi suất. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010, căn cứ vào nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định được tính lãi phạt 10% trên nợ lãi quá hạn trước ngày 1/1/2017 trở lại đây. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP K buộc bà Phạm Thị H phải thanh toán số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là: còn nợ Ngân hàng TMCP K nợ lãi trong hạn: 788,715,226 đồng, nợ lãi quá hạn: 291.474.712 đồng. Tổng lãi 1,080,189,938 đồng.

HĐXX nhận thấy rằng phía ngân hàng đã nộp toàn bộ tính lãi xuất qua các thời kỳ của ngân hàng nên HĐXX chấp nhận tính lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn

cứ. Ngoài ra ngân hàng còn yêu cầu phạt lãi trậm trả trên lại suất quá hạn là có căn cứ.

2.5. Ngân hàng tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 635,941,558 đồng nợ lãi phạt và 78.240.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng.

Tại phiên tòa, đại diện phía ngân hàng rút yêu cầu đối với số tiền 635,941,558 đồng nợ lãi phạt, phí trậm trả lãi trong hạn: 78,240,000 đồng. Do việc rút yêu cầu của Ngân hàng là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức nên được chấp nhận.

[5]. Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Phạm Thị H không thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP K nợ gốc và nợ lãi thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thi hành án.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 001159/2014/HĐTC-TCB quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/08/2014 tại Văn phòng Công chứng Đồng Đa, thành phố Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP K và bà Phạm Thị H. Theo Hợp đồng thế chấp nói trên bà Phạm Thị H đã thế chấp tài sản của mình là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 06(1), tờ bản đồ số 25, mục đích sử dụng: đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, tại địa chỉ: Thôn QĐ, xã VQ, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG590836 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5821/2011/QĐ-UBND/-CH00932 do UBND huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/10/2011, đăng ký chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H ngày 14/07/2014 theo hợp đồng số 00592/2014/HĐCNQSDĐ được văn phòng công chứng ngọn Lửa Việt công chứng ngày 10/7/2014. Tại phòng tài nguyên môi trường huyện Thanh Trì, Tài sản được đăng ký giao dịch đảm bảo để bảo đảm cho khoản vay của bà H theo Hợp đồng tín dụng nói trên. Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên được các bên ký kết tại Văn phòng Công chứng Đồng Đa, thành phố Hà Nội và được công chứng viên xác nhận các bên ký kết Hợp đồng thế chấp trong tình trạng tinh tảo, hoàn toàn minh mẫn không bị ai ép buộc hay lừa dối, việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và đã được đăng ký

giao dịch bảo đảm đối với tài sản thế chấp ngày 05/8/2014 và đã được Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội- chi nhánh huyện Thanh Trì chứng nhận việc thế chấp ngày 06/8/2014. Như vậy có đủ căn cứ để xác nhận hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lý. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng TMCP K đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật mà bà Phạm Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận.

* Xét về lời khai của bà Phạm Thị H cũng khẳng định bà còn nợ số tiền nợ gốc là 973.925.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: Hợp đồng tín dụng số KMI 20141077/HĐTD ngày 05/08/2014, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số KMI 2014107701 ngày 06/08/2014 đối với Ngân hàng TMCP K. Ngân hàng TMCP K đã giải ngân khi bà H có văn bản đề nghị ngân hàng giải ngân và có giấy ủy nhiệm chi từ số tài khoản 19327995979012 của bà H sang số tài khoản 19025294509023 của Tăng Thị Huê. Do vậy bà đã nhận đủ số tiền 9.780.000.000 đồng. Nên việc bà trình bày vay hộ cho chị Đỗ Thị Tr là không có căn cứ.

* Xét về lời trình bày của ông Tiên, bà Lua đã chuyển quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H để bà Phạm Thị H vay tiền Ngân hàng hộ số tiền 400.000.000 đ (bốn trăm triệu đồng), hàng tháng ông Trương Văn T2, bà Trần Thị L2 vẫn thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng, và lập 01 thỏa thuận sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H vào ngày 09/07/2014,

Hội đồng xét xử nhận thấy, về việc ông T2, bà L2 lập 01 thỏa thuận sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H vào ngày 21/07/2014 với bên A là bà Phạm Thị H đại diện Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ KT không được chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phát sinh trước hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số hợp đồng số 00592/2014/HĐCNQSĐĐ được văn phòng công chứng ngọn Lửa Việt công chứng ngày 10/7/2014 giữa bên bán là ông T2, bà L2 và bên mua là bà Phạm Thị H. ông Trương Văn T2, bà Trần Thị L2 không có yêu cầu độc lập nên giành quyền khởi kiện cho ông Tiên bà Lua thành một vụ án khác.

Ngoài ra , ông T2, bà L2 cùng bà Phạm Thị H, bà Đỗ Thị Tr lập 03 biên bản thỏa thuận về việc vay tiền ngày 21/07/2014, ngày 05/7/2017, ngày 27/3/2018.

Các thỏa thuận này nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng TMCP K.

Ông T2, bà L2 cho rằng bà Phạm Thị H, bà Đỗ Thị Tr có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 09/2/2021 Công an quận Hai Bà Trưng Thành phố Hà Nội có phiếu hướng dẫn số 686 hướng dẫn ông Trương Văn T2 là vụ việc trên có dấu hiệu tranh chấp dân sự chuyển sang Tòa án giải quyết.

[4]. Do bà Phạm Thị H không yêu cầu ông T2, bà L2 trả số tiền 400.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét và giành quyền khởi kiện cho bà Phạm Thị H thành vụ kiện khác.

Bác tất cả các yêu cầu khác của đương sự.

[5]. **Về án phí:** Do Ngân hàng TMCP K tín được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Phạm Thị H phải chịu toàn bộ án phí phải chịu toàn bộ án phí án phí dân sự sơ thẩm .

[6]. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010). Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điều 281; Điều 350; Điều 355; Điều 401; Điều 402; Điều 403, Điều 404, Điều 405 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ vào mục 3 phần I thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp và Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử thi hành án về tài sản.

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”.

Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Luật thi hành án dân sự 2014

Xử:

1. Đình chỉ phần yêu cầu Ngân hàng TMCP K về số tiền 635,941,558 đồng nợ lãi phạt, phí trảm trả lãi trong hạn: 78,240,000 đồng đối với bà Phạm Thị H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với bà Phạm Thị H

Buộc bà Phạm Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc và nợ lãi, theo Hợp đồng tín dụng số: hợp đồng tín dụng số KMI 20141077/HĐTD ngày 05/08/2014 tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29.08.2022 là nợ gốc: 973,925,000 đồng, nợ lãi trong hạn: 788,715,226 đồng, nợ lãi quá hạn: 291.474.712 đồng. Tổng cộng **2.054.114.938 đồng** (*hai tỉ, không trăm năm mươi tư triệu, một trăm mười bốn nghìn, chín trăm ba mươi tám đồng*)

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Phạm Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên đối với Ngân hàng TMCP K, Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ là:

* Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 06(1), tờ bản đồ số 25, mục đích sử dụng: đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, tại địa chỉ: Thôn QĐ, xã VQ, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG590836 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5821/2011/QĐ-UBND/-CH00932 do UBND huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/10/2011, đăng ký chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H ngày 14/07/2014 theo hợp đồng số 00592/2014/HĐCNQSDĐ được văn phòng công chứng ngọn Lửa Việt công chứng ngày 10/7/2014. Tại phòng tài nguyên môi trường huyện Thanh Trì, Tài sản được đăng ký giao dịch đảm bảo.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng nêu trên thì bà Phạm Thị H phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP K, phần nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc. Trường hợp hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 73.082.298 đồng (bảy mươi hai triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, hai trăm chín mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp)

Hoàn trả Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí 33.000.000 đồng mà Ngân hàng TMCP K đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004910 ngày 20.4.2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn là bà Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn T2, bà Trần Thị L2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày, kể từ ngày tòa tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Q.Hoàng Mai;
- TAND phố Hà Nội;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Mạnh Thành